

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 872/1999/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Cần Thơ thời kỳ 1997 - 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998;
Căn cứ Nghị quyết 01/1997/QH9 tại kỳ họp thứ 11, khóa IX của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (tờ trình số 57/1998/TTUBT ngày 19 tháng 12 năm 1998), của Tổng cục Địa chính (tờ trình số 944/TT-TCĐC ngày 21 tháng 6 năm 1999),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Bản Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tỉnh Cần Thơ đến năm 2010 với các nội dung sau:

1. Cơ cấu các loại đất (đơn vị tính ha)

	Năm 1996	Năm 2000	Năm 2010
Tổng diện tích tự nhiên:	296.286,0	296.286,0	296.286,0
1- Đất nông nghiệp	250.212,29	244.932,28	239.561,37
Trong đó: Đất lúa, màu:	186.763,91	175.038,36	163.866,10
2- Đất lâm nghiệp có rừng:	2.730,38	2.730,38	2.730,38
3- Đất chuyên dùng	15.510,63	20.236,50	26.614,32
Trong đó: Đất xây dựng:	763,17	2.183,72	4.389,12
Đất giao thông:	3.157,25	5.036,45	7.983,23
Đất Thủy lợi:	9.367,85	10.419,15	11.521,15
Đất quốc phòng an ninh:	944,28	906,00	906,00
Đất di tích lịch sử văn hóa:	4,54	13,84	28,78
Đất làm vật liệu xây dựng:	16,26	22,26	72,26
Đất nghĩa địa:	619,09	645,45	719,69
Đất chuyên dùng khác:	638,19	1.009,63	994,69
4- Đất ở nông thôn:	7.472,43	12.073,80	12.872,22